**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 9), MỞ RỘNG LẦN THỨ NHẤT**

***LIST OF ACCREDITED TESTS (No 9), FIRST EXPANSION***

***(Kèm theo quyết định số/attachment with decision:*** 3243 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *27* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

| | |
|---|---|
| Tên phòng thí nghiệm: | **Phòng thử nghiệm Dầu khí** |
| *Laboratory:* | ***Petroleum Testing Laboratory*** |
| Tổ chức /Cơ quan chủ quản: | **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3** |
| *Organization:* | ***Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)*** |
| Số hiệu/ *Code:* | **VILAS 004** |
| Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria* | **ISO/IEC 17025:2017** |
| Lĩnh vực: | **Hóa** |
| *Field:* | ***Chemical*** |
| Người quản lý: | **Phan Thành Trung** |
| *Laboratory manager:* | ***Phan Thanh Trung*** |
| Hiệu lực công nhận: *period of Validation:* | **Kể từ ngày** *27* **/** *10* **/2026 đến ngày 08/8/2030** |
| Địa chỉ: | **49 Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh** |
| *Address*: | ***49 Pasteur, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*** |
| Địa điểm: | **Lô C5, Đường D1, Khu CN Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. HCM** |
| *Location:* | ***C5 Lot, D1 Road, Cat Lai Industrial Zone, Cat Lai Ward, HCMC.*** |
| Điện thoại/ *Tel*: | **(84-251) 383 6212** |
| Email: | **rq.tn@quatest3.com.vn** |
| Website: | **www.quatest3.com.vn** |

**Phòng thử nghiệm Dầu khí** ***/ Petroleum Testing Laboratory***

**Lĩnh vực thử nghiệm:** **Hóa**
*Field of testing: Chemical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested* | Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests* | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement* | Phương pháp thử/ *Test method* |
|---|---|---|---|---|
| 1. | **Sản phẩm hóa học dạng lỏng (xăng, dầu nhờn, dung môi)** ***Liquid organic and inorganic compounds (Gasoline, lubricating oil, and solvents)*** | Xác định hàm lượng nước\<br>Phương pháp chuẩn độ thể tích Karl Fischer<br>*Determination of Water content*<br>*Volumetric Karl Fischer titration method* | 50 mg/kg | TCVN 11048:2015<br>ASTM E203-24 |
| 2. | **Nhiên liệu điêzen** ***Diesel fuel oil (DO)*** | Xác định các loại hydrocacbon thơm trong nhiên liệu chưng cất trung bình<br>Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) với đầu dò chỉ số khúc xạ (RID)<br>*Determination of Aromatic Hydrocarbon Types in Middle Distillates*<br>*High Performance Liquid Chromatography Method with Refractive Index Detection* | 0,2 % w/w | TCVN 11589:2016<br>ASTM D6591-19 |
| 3. | | Xác định hàm lượng este metyl axit béo (FAME)<br>Phương pháp quang phổ hồng ngoại biến đổi Fourier (FTIR)<br>*Determination of Biodiesel (Fatty Acid Methyl Esters) content*<br>*Mid Infrared Spectroscopy (FTIR) method* | 1,7 % v/v (TCVN 8147)<br>1,0 % v/v (ASTM D7371) | TCVN 8147:2009<br>ASTM D7371-26 |
| 4. | **Nhiên liệu chứa từ 20 % ethanol trở lên (ethanol biến tính, không biến tính)** ***Fuels Containing greater than 20 % ethanol (ethanol fuel)*** | Xác định hàm lượng ethanol và methanol<br>Phương pháp GC-FID<br>*Determination of Ethanol and Methanol content*<br>*GC-FID method* | (20,0 ~ 99,9) % v/v | TCVN 7864:2013<br>ASTM D5501-20 (2024)e1 |

**Phòng thử nghiệm Dầu khí */ Petroleum Testing Laboratory***

**Chú thích/*Note*:**

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Standard*
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/*American Society for Testing and Materials*

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lượng Chất lượng 3 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lượng Chất lượng 3 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*